TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH A** **TỈNH HẬU GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨAVIỆT NAM** **Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 51/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 28 - 8 - 2018
V/v không công nhận quan hệ hôn nhân

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH A, TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Mạc Thị Chiên
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Võ Văn Cho
2. Ông Trần Hữu Lợi

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Chúc Linh – Thư ký của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

Ngày 28 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Châu Thành A xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 228/2018/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 8 năm 2018 về không công nhận quan hệ hôn nhân theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 142/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 8 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Nguyễn Thị A

Địa chỉ: Ấp KN, xã AMB, huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang – Vắng mặt.

2. Bị đơn: Đỗ Văn M

Địa chỉ: Ấp NT 1, xã NN A, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang – Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn ngày 13/8/2018, quá trình tố tụng tại Tòa án nguyên đơn bà A trình bày: Bà và ông Đỗ Văn M chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1995, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Thời gian đầu vợ chồng bà sống hạnh phúc, sau đó phát sinh nhiều mâu thuẫn, đến năm 1999 ông M đi làm ăn xa và không về nữa, bà dẫn con về nhà cha mẹ ruột sống cho đến nay. Hiện tại bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, nên xin ly hôn với ông Đỗ Văn M.

Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Thị Huyền T (Nữ) sinh ngày 09/9/1999, cháu T hiện nay đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết về vấn đề quyền nuôi dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Bị đơn ông Đỗ Văn M trình bày: Ông thống nhất lời trình bày của bà A, ông và bà A chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1995, quá trình chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, hai bên không tìm được tiếng nói chung, lúc này vợ chồng ông sống bên vợ tại Kiên Giang. Năm 1999, ông về quê của ông để làm thuê, tại đây gặp người phụ nữ khác và chung sống với người này, không về sống với bà A nữa. Nay bà A xin ly hôn, ông đồng ý.

Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Thị Huyền T (Nữ) sinh ngày 09/9/1999, cháu T hiện nay đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết về vấn đề quyền nuôi dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Bà Nguyễn Thị A và ông Đỗ Văn M do phát sinh mâu thuẫn trong đời sống hôn nhân và gia đình mà không thể hàn gắn tình cảm được với nhau nên bà A yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với ông M, các bên không có đăng ký kết hôn nên theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

[2] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn đã tham gia việc kiểm tra, giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải xong và có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ vào Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt là có căn cứ pháp luật.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của Bà Nguyễn Thị A:

Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa bà A và ông M được xây dựng trên cơ sở tự nguyện, nhưng không thực hiện việc đăng ký kết hôn theo luật định mà tự ý chung sống với nhau như vợ chồng, mặc dù từ năm 1995 đến nay ông M và bà A có đủ thời gian và điều kiện để đi đăng ký kết hôn theo luật định nhưng không thực hiện. Vì vậy khi giải quyết việc ly hôn, Hội đồng xét xử căn cứ theo khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình không công nhận ông M và bà A là vợ chồng.

Về con chung: Bà A và ông M khai thống nhất có 01 con chung tên Nguyễn Thị Huyền T (nữ), sinh ngày 09/9/1999 hiện đã trưởng thành, bình thường về tinh thần và thể chất nên không đặt vấn đề quyền nuôi dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: Các bên khai không có nên không xem xét giải quyết; nếu sau này có phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ án khác theo quy định của pháp luật.

[4] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm buộc bà Nguyễn Thị A phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 14, các Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị A.

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận bà Nguyễn Thị A và ông Đỗ Văn M là vợ chồng.

2. Về con chung: Con đã trưởng thành, bình thường về tinh thần và thể chất nên không giải quyết về quyền nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Các bên khai không có nên không xem xét, giải quyết; nếu sau này có phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ án khác theo quy định của pháp luật.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị A phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Chuyển 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí bà A đã nộp tạm ứng án phí lệ phí Tòa án theo biên lai số 0014899 ngày 13/8/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành A thành án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm (bà A đã nộp xong).

5. Về quyền kháng cáo: Bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hậu Giang;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện CTA;
- VKSND huyện CTA;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Mạc Thị Chiên